

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tư và bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn X, xã Q, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn X, xã Q, tỉnh Lâm Đồng – Được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-4-2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn K đăng ký kết hôn ngày 06-8-2007 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng) trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống bình thường nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh K thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về đánh đập vợ con, chị đã cố gắng chịu đựng nhiều năm để nuôi con nhưng anh K không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân khoảng 03 năm nay, thỉnh thoảng anh K mới về nhưng ở riêng và cũng không quan tâm đến các con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 03 con chung gồm cháu Nguyễn Văn H

(sinh ngày 26-7-2001), cháu Nguyễn Văn C (sinh ngày 06-02-2008) và cháu Nguyễn Văn B (sinh ngày 25-11-2019). Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C và cháu B đến tuổi thành niên; yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con. Đối với cháu H đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Văn K nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh K đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh K.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; Điều 6 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn C (sinh ngày 06-02-2008) và cháu Nguyễn Văn B (sinh ngày 25-11-2019) cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn K phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.725.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

- Về án phí: Chị L phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại thôn X, xã Q, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án

là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[1.3]. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh K đăng ký kết hôn ngày 06-8-2007 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng*) trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân khoảng 03 năm nay. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh K nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng anh K đều vắng mặt; chị L xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau nên không thể hòa giải đoàn tụ và cương quyết ly hôn. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị L và anh K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc ly hôn với anh K.

[2.2]. Về con chung:

[2.2.1]. Chị L xác định chị và anh K có 03 con chung gồm: Cháu Nguyễn Văn H (*sinh ngày 26-7-2001*), cháu Nguyễn Văn C (*sinh ngày 06-02-2008*) và cháu Nguyễn Văn B (*sinh ngày 25-11-2019*). Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C và cháu B đến tuổi thành niên. Đối với cháu H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại văn bản ghi nhận ý kiến ngày 14-5-2025, cháu C trình bày sau khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ; đối với cháu B còn nhỏ nên cũng cần có sự chăm sóc của người mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh K đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh K về việc có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con hay không. Mặt khác, kết quả xác minh thể hiện anh K thường xuyên vắng mặt tại địa phương, chỉ thỉnh thoảng mới về địa phương xong lại đi. Ngoài ra, từ sau khi anh chị ly thân đến nay thì cháu C và cháu B đều sống với chị L và được chị L nuôi dạy tốt, khỏe mạnh. Do đó, để đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất của các con, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, tạo điều kiện cho hai anh em được cùng nhau sinh hoạt, học tập, không bị chia rẽ gây ảnh hưởng đến tâm lý của các con, đồng thời cũng tôn trọng nguyện vọng của cháu C muốn được sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu C và cháu B cho chị L trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp.

[2.2.2]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Hiện nay, mức lương tối thiểu vùng tại nơi anh K đang cư trú là 3.450.000 đồng nên xét thấy chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc anh K phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.725.000 đồng/tháng/con là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*); áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

1.2. Về con chung:

1.2.1. Giao hai con chung là cháu Nguyễn Văn C (*sinh ngày 06-02-2008*) và cháu Nguyễn Văn B (*sinh ngày 25-11-2019*) cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.2.2. Về cấp dưỡng nuôi con:

1.2.2.1. Anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn C (sinh ngày 06-02-2008) số tiền mỗi tháng là 1.725.000đ (*một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi cháu Nguyễn Văn C thành niên.

1.2.2.2. Anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn B (sinh ngày 25-11-2019) số tiền mỗi tháng là 1.725.000đ (*một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi cháu Nguyễn Văn B thành niên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 107, 110 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đòi với số tiền cấp dưỡng nuôi con 275.000đ (*hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*)/tháng/con.

3. Về án phí:

3.1. Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Y ngày 29-4-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Lâm Đồng*).

3.2. Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- UBND xã Q, tỉnh Lâm Đồng (đăng ký số 35 ngày 06-8-2007 tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Trang